

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊN QUANG**

*Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT

A28 Lô 3 - Khu đô thị Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 024 - 3640 3642 / Fax: 024 - 3640 3643 / Web: www.pnt.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 9.000.000.000 VND (Chín tỷ đồng)

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Trụ sở hoạt động: Số 117, đường Lê Lợi, Tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc
Ông Lê Sơn Đông	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm từ 01/07/2022)
Ông Lương Việt Hân	Phụ trách Kế toán (bỏ nhiệm từ 01/07/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2023

TM Ban Giám đốc

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

Số: 09/2023/BCTC-PNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Tuyên Quang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 01 năm 2023 từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT



Giám đốc

Khuông Tất Thành

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0410-2023-136-1*

Kiểm toán viên

Đặng Hải Hà

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2558-2023-136-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		15.640.367.948	14.804.299.962
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.739.449.992	2.230.788.959
1. Tiền	111	V.01	1.739.449.992	2.230.788.959
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.108.760.000	11.260.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	12.108.760.000	11.260.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.152.495.827	545.467.138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	51.674.677	120.708.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03b	827.450.000	168.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	273.371.150	256.258.587
IV- Hàng tồn kho	140		180.131.520	247.404.740
1. Hàng tồn kho	141	V.05	180.131.520	247.404.740
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		459.530.609	520.639.125
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	459.530.609	520.639.125
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.529.096.656	10.316.033.873
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II- Tài sản cố định	220		8.689.547.115	9.184.649.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.586.665.395	9.100.371.823
- Nguyên giá	222		11.738.910.863	11.738.910.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.152.245.468)	(2.638.539.040)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	102.881.720	84.277.775
- Nguyên giá	228		598.000.000	494.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(495.118.280)	(409.722.225)
III- Bất động sản đầu tư	230			
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		530.000	530.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		530.000	530.000
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI- Tài sản dài hạn khác	260		839.019.541	1.130.854.275
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	839.019.541	1.130.854.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.169.464.604	25.120.333.835

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.169.464.604	13.251.505.248
I- Nợ ngắn hạn	310		12.498.964.604	12.579.505.248
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		70.231.591	266.768.955
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.331.616.908	1.261.444.911
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	1.818.817.923	1.536.253.654
4. Phải trả người lao động	314		575.698.819	214.568.705
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	947.230.046	1.070.795.705
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	6.595.638.510	7.204.594.660
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.159.730.807	1.025.078.658
II- Nợ dài hạn	330		670.500.000	672.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	670.500.000	672.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		12.000.000.000	11.868.828.587
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.12	12.000.000.000	11.868.828.587
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		9.000.000.000	9.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.000.000.000	2.868.828.587
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		25.169.464.604	25.120.333.835

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		3.535.726.167	3.560.756.710
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		472.000.000	577.000.000
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		6.802.120.000	6.626.490.000

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)
Lương Việt Hân



Nguyễn Thanh Tùng

(Handwritten signature)
Nguyễn Lê Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.01	72.262.150.006	72.339.697.283
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		72.258.222.733	72.335.759.101
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		6.183.745.453	6.024.081.818
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		2.045.454.547	2.408.836.371
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		44.821.668.185	44.052.704.544
1.1.5. Xổ số lô tô 3/23	01.1.5		770.672.728	
1.1.6. Xổ số lô tô cặp số	01.1.6		18.436.681.820	19.850.136.368
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		3.927.273	3.938.182
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.02	9.424.985.575	9.435.099.009
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		9.424.985.575	9.435.099.009
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		806.575.495	785.749.804
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		266.798.422	314.196.047
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		5.846.304.543	5.746.004.938
2.1.5. Xổ số lô tô 3/23	02.1.5		100.522.529	
2.1.6. Xổ số lô tô cặp số	02.1.6		2.404.784.586	2.589.148.220
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	VI.03	62.837.164.431	62.904.598.274
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		62.833.237.158	62.900.660.092
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		5.377.169.958	5.238.332.014
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		1.778.656.125	2.094.640.324
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		38.975.363.642	38.306.699.606
3.1.5. Xổ số lô tô 3/23	10.1.5		670.150.199	
3.1.6. Xổ số lô tô cặp số	10.1.6		16.031.897.234	17.260.988.148
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		3.927.273	3.938.182
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.04	49.105.421.992	49.859.439.119
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		49.105.421.992	49.859.439.119
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		40.311.945.870	40.856.349.221
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		8.793.476.122	9.003.089.898
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		13.731.742.439	13.045.159.155
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		13.727.815.166	13.041.220.973
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		3.927.273	3.938.182

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	543.350.852	606.443.882
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08a		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08b	12.116.676.020	11.628.595.406
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.158.417.271	2.023.007.631
11. Thu nhập khác	31	VI.06	19.205.000	27.682.318
12. Chi phí khác	32	VI.07	63.425.517	103.666.939
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(44.220.517)	(75.984.621)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.114.196.754	1.947.023.010
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	435.524.454	287.096.593
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		<u>1.678.672.300</u>	<u>1.659.926.417</u>

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu


Ma Lê Na.

Phụ trách kế toán


Lương Việt Hàm

Chủ tịch


Nguyễn Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		80.053.207.195	79.828.016.227
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.286.946.674)	(5.636.637.270)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.749.463.453)	(5.374.375.446)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(468.314.903)	(120.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.396.549.925	3.723.345.329
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(72.022.813.406)	(73.215.264.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(77.781.316)	(794.915.756)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.108.760.000)	(10.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		22.260.000.000	10.127.956.799
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		435.202.349	606.443.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(413.557.651)	534.400.681
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(491.338.967)	(260.515.075)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.230.788.959	2.491.304.034
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.739.449.992	2.230.788.959


Tuyên Quang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch


 Nguyễn Thế Ninh.


 Lương Việt Tân


Nguyễn Thanh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/09/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Kinh doanh các loại hình xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Tổ chức tua du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của Công ty, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chỉ, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc:	05 - 10	năm
- Máy móc, thiết bị:	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 - 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 - 05	năm
- Phần mềm Xổ số lô tô:	03	năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên một năm tài chính;
- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tỷ lệ trên tổng số dư chi phí trả trước dài hạn. Số liệu chi tiết thể hiện trên Thuyết minh V.08b "Chi phí trả trước dài hạn" phần thuyết minh bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Thời gian phân bổ được ước tính từ 1 đến 2 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách được xác định theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, còn quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).

Mức đặt cọc đại lý xổ số năm 2022, Công ty đang áp dụng là 1.500.000 VND/đại lý.

Tổng số đại lý xổ số đang thực hiện dịch vụ là 477 đại lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và Công ty không bị lỗ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Điều kiện được trích lập: Trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty Xổ số kiến thiết (giá trị trả thưởng thực tế trên doanh thu có thuế từ bán vé xổ số truyền thống, xổ số Lô tô, xổ số cao, bóc) nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng (đối với xổ số truyền thống là 50%; xổ số cao, bóc biết kết quả ngay là 55%) hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (đối với xổ số Lô tô là 60%).

Thời điểm trích lập: Thực hiện vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm. Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức: $DP = DT \times TL - TT$, trong đó:

DP: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.

DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

TL: Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong năm theo quy định của từng loại hình xổ số.

TT: Tổng giá trị trả thưởng thực tế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ. Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó (đối với hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp ghi vào TK 711 "Thu nhập khác").

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập năm nay.

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được phân phối theo hướng dẫn tại Điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Công ty ghi nhận vào giá vốn hàng bán (nếu có):

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí nhân viên, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

19. Các nghĩa vụ về thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp (kể cả Công ty mẹ, Công ty con, các Công ty con cùng tập đoàn, Công ty liên kết), các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	467.727.523	340.491.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.271.722.469	1.890.297.757
Cộng	1.739.449.992	2.230.788.959

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a1) Ngắn hạn</i>	12.108.760.000	12.108.760.000	11.260.000.000	11.260.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.108.760.000	12.108.760.000	11.260.000.000	11.260.000.000
<i>a2) Dài hạn</i>				
Cộng	12.108.760.000	12.108.760.000	11.260.000.000	11.260.000.000

03. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	51.674.677	120.708.551
- Các đối tượng khác	51.674.677	120.708.551
Cộng	51.674.677	120.708.551

b) Trả trước người bán ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Kiến trúc Phố Xanh	700.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường Tân Bình	18.500.000	18.500.000
Phòng Kinh tế và Hạ tầng Chiêm Hóa	40.034.000	
Phòng Kinh tế và Hạ tầng Sơn Dương	68.477.000	
Các đối tượng khác	439.000	
Cộng	827.450.000	168.500.000

04. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	273.371.150		256.258.587	
- Ký cược, ký quỹ	81.772.282		81.772.282	
- Tạm ứng	79.040.000		58.880.000	
- Phải thu khác	112.558.868		115.156.051	
- Dự nợ phải trả, phải nộp khác ngắn hạn			450.254	
<i>b) Dài hạn</i>				
Cộng	273.371.150		256.258.587	

05. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vé xổ số:	180.131.520		247.404.740	
+ Vé xổ số truyền thống	18.001.100		15.818.400	
+ Vé xổ số cào	58.625.000		73.900.000	
+ Vé xổ số bốc	64.432.795		124.246.310	
+ Vé xổ số lô tô	5.435.000			
+ Vé xổ số lô tô cặp	33.637.625		33.440.030	
Cộng	180.131.520		247.404.740	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý và TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.485.393.075	283.995.000	1.538.635.636	430.887.152	11.738.910.863
Mua trong năm					
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Tặng khác				29.619.048	29.619.048
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác		29.619.048			
Số dư cuối năm	9.485.393.075	254.375.952	1.538.635.636	460.506.200	11.738.910.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	(1.281.650.979)	(264.759.666)	(805.303.799)	(286.824.596)	(2.638.539.040)
Khấu hao trong năm	(316.179.768)		(144.261.996)	(53.264.664)	(513.706.428)
Tặng khác				(10.383.714)	(10.383.714)
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác		10.383.714			
Số dư cuối năm	(1.597.830.747)	(254.375.952)	(949.565.795)	(350.472.974)	(3.152.245.468)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.203.742.096	19.235.334	733.331.837	144.062.556	9.100.371.823
Tại ngày cuối năm	7.887.562.328		589.069.841	110.033.226	8.586.665.395

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.099.255.788



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Xổ số lô tô	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	494.000.000	494.000.000
Mua trong năm	104.000.000	104.000.000
Số dư cuối năm	598.000.000	598.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	(409.722.225)	(409.722.225)
Khấu hao trong năm	(85.396.055)	(85.396.055)
Số dư cuối năm	(495.118.280)	(495.118.280)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	84.277.775	84.277.775
Tại ngày cuối năm	102.881.720	102.881.720

08. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
b) Dài hạn	839.019.541	1.130.854.275
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	839.019.541	1.130.854.275
Cộng	839.019.541	1.130.854.275

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	637.673.737	7.249.076.690	7.375.258.773	511.491.654
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	637.673.737	7.249.076.690	7.375.258.773	511.491.654
Thuế tiêu thụ đặc biệt	854.550.595	9.424.985.575	9.541.069.569	738.466.601
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.880.878	435.524.454	468.314.903	3.090.429
Thuế thu nhập cá nhân	8.148.444	666.111.000	359.529.600	314.729.844
Lợi nhuận còn phải nộp Nhà nước		451.039.395	200.000.000	251.039.395
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4.432.093	4.432.093	
Cộng	1.536.253.654	18.231.169.207	17.948.604.938	1.818.817.923
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân (*)	457.561.497	85.365.897	87.335.009	459.530.609
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	53.625.600	178.752.000	125.126.400	
Lợi nhuận còn phải nộp Nhà nước	9.452.028	9.452.028		
Cộng	520.639.125	273.569.925	212.461.409	459.530.609

(*) Đây là số thuế Thu nhập cá nhân Công ty đã nộp thừa cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2019. Công ty sẽ đối chiếu với số liệu tại cơ quan Thuế trong kỳ quyết toán tiếp theo.

10. Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn		3.265.582
Các khoản phải trả, phải nộp khác	922.152.901	1.042.453.266
- Cục thuế tỉnh Tuyên quang	150.018.074	150.018.074
- Khối XSKT Miền Bắc	105.164.087	137.521.652
- Phải trả hoa hồng đại lý	666.970.740	754.913.540
Phải trả khác (dư nợ)	25.077.145	25.076.857
Cộng	947.230.046	1.070.795.705
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	670.500.000	672.000.000
Cộng	670.500.000	672.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Dự phòng phải trả

a) Ngắn hạn

Dự phòng rủi ro trả thưởng
Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	6.595.638.510	7.204.594.660
	6.595.638.510	7.204.594.660

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	9.000.000.000	2.354.663.515		11.354.663.515
Lãi trong năm trước			1.659.926.417	1.659.926.417
Tăng khác		16.187.147		16.187.147
Trích lập các quỹ (*)		497.977.925	(1.659.926.417)	(1.161.948.492)
Giảm khác				-
Số dư đầu năm nay	9.000.000.000	2.868.828.587		11.868.828.587
Lãi trong năm nay			1.678.672.300	1.678.672.300
Tăng khác				
Trích lập các quỹ (*)		131.171.413	(1.678.672.300)	(1.547.500.887)
Giảm khác				
Số dư cuối năm nay	9.000.000.000	3.000.000.000		12.000.000.000

(*) Trích lập các quỹ thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ: 1.678.672.300

+ Trích 30% lợi nhuận được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển: 131.171.413
 + Trích quỹ khen thưởng: 801.963.682
 + Trích quỹ phúc lợi: 285.045.782
 + Chuyển sang phải nộp NSNN: 460.491.423

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	9.000.000.000	9.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	9.000.000.000	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia, phân phối	1.678.672.300	1.659.926.417

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	72.258.222.733	72.335.759.101
+ Xổ số truyền thống	6.183.745.453	6.024.081.818
+ Xổ số bóc	2.045.454.547	2.408.836.371
+ Xổ số lô tô	44.821.668.185	44.052.704.544
+ Xổ số lô tô 3/23	770.672.728	
+ Xổ số lô tô cặp số	18.436.681.820	19.850.136.368
Doanh thu kinh doanh khác	3.927.273	3.938.182
Cộng	72.262.150.006	72.339.697.283

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số (Thuế tiêu thụ đặc biệt)	9.424.985.575	9.435.099.009
+ Xổ số truyền thống	806.575.495	785.749.804
+ Xổ số bóc	266.798.422	314.196.047
+ Xổ số lô tô	5.846.304.543	5.746.004.938
+ Xổ số lô tô 3/23	100.522.529	
+ Xổ số lô tô cặp số	2.404.784.586	2.589.148.220
Giảm trừ doanh thu khác		
Cộng	9.424.985.575	9.435.099.009

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Xổ số	62.833.237.158	62.900.660.092
+ Xổ số truyền thống	5.377.169.958	5.238.332.014
+ Xổ số bóc	1.778.656.125	2.094.640.324
+ Xổ số lô tô	38.975.363.642	38.306.699.606
+ Xổ số lô tô 3/23	670.150.199	
+ Xổ số lô tô cặp số	16.031.897.234	17.260.988.148
Doanh thu kinh doanh khác	3.927.273	3.938.182
Cộng	62.837.164.431	62.904.598.274

04. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	49.105.421.992	49.859.439.119
- Chi phí trả thưởng	40.311.945.870	40.856.349.221
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	8.793.476.122	9.003.089.898
Cộng	49.105.421.992	49.859.439.119

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	543.350.852	606.443.882
Cộng	543.350.852	606.443.882

06. Thu nhập khác

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.205.000	27.682.318
Các khoản khác		
Cộng	19.205.000	27.682.318

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	63.425.517	103.666.939
Cộng	63.425.517	103.666.939

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
8.a Chi phí bán hàng		
8.b Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.784.684.396	6.393.278.445
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.588.297.470	712.737.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	599.102.483	598.046.588
Thuế, phí và lệ phí	274.386.033	168.875.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.346.225.558	3.143.463.199
Chi phí bằng tiền khác	523.980.080	612.193.612
Cộng	12.116.676.020	11.628.595.406

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	2.114.196.754	1.947.023.010
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	63.425.517	103.666.939
Các khoản khác	63.425.517	103.666.939
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>		
Lỗ năm trước chuyển sang (4)		
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)-(4)	2.177.622.271	2.050.689.949
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	435.524.454	410.137.990
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm nay giảm 30% theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/10/2021 (8)		123.041.397
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9)=(7)-(8)	435.524.454	287.096.593

10. Chi phí sản xuất kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số	49.105.421.992	49.859.439.119
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.116.676.020	11.628.595.406
Chi phí khác	63.425.517	103.666.939
Cộng	61.285.523.529	61.591.701.464

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin với các bên liên quan**

<i>Thu nhập đã chi trả trong năm</i>	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		1.132.576.913	1.157.370.561
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	370.477.345	391.112.273
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	342.005.600	382.386.399
Ông Lê Sơn Đông (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	Phó Giám đốc	282.307.539	266.426.732
Ông Lương Việt Hân (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	Phụ trách kế toán	137.786.429	117.445.157
Ban kiểm soát		45.809.300	41.124.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kiểm soát viên	45.809.300	41.124.000
Cộng		1.178.386.213	1.198.494.561

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT và điều chỉnh theo kết quả kiểm tra bởi Sở Tài chính tỉnh Tuyền Quang tại Quyết định số 1143/2022/UBND ngày 17/08/2022 phê duyệt quỹ lương bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang và Biên bản ngày 18/07/2022 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động.

Tuyền Quang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch

Nguyễn Thế Nhu.

Lương Việt Hân

**Nguyễn Thanh Tùng**